TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC I – THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2026.
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Tuyên
2. Ông Trịnh Xuân Tính

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Hương- Thư ký,Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Thanh Hoá tham gia phiên tòa*: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 206/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 128/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1991

Bị đơn: Anh Lê Viết C, sinh năm 1988

Cùng nơi thường trú: Thôn B, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị T: Luật sư Trịnh Thị H - thuộc chi nhánh công ty L, Đoàn Luật sư thành phố H

Tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do; có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

-*Về hôn nhân*: Tôi và anh Lê Viết C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là phường Đ, tỉnh Thanh Hóa) ngày 06/01/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn G, xã Đ, huyện Đ (nay là thôn B, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa) đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè. Tôi khuyên bảo nhiều lần, anh C không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên chửi bới, đánh nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại dàn xếp nhiều lần nhưng vẫn không mang lại kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng và đã sống ly

thân nhau. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh C.

-*Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Thị Hoài G, sinh ngày 17/4/2011. Nếu được ly hôn tôi xin nuôi con, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với tôi

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2026 của anh Lê Viết C trình bày:

Tôi và cô Lê Thị T kết hôn với nhau năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là phường Đ, tỉnh Thanh Hóa).

Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì cô T đi nước ngoài; do thường xuyên đi vắng nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn tình cảm. Khi cô T về thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nặng nề hơn. Nay cô T làm đơn xin ly hôn tôi tại Toà án, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tôi cũng đồng ý ly hôn với cô T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Thị Hoài G, sinh ngày 17/4/2011. Nếu phải ly hôn tôi đồng ý để cháu G cho cô T trực tiếp nuôi dưỡng, cô T không yêu cầu tôi phải cấp dưỡng nuôi con chung, tôi cũng đồng ý.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc cá nhân tôi không thể tham gia các buổi làm việc tại toà án được, tôi xin vắng mặt tại phiên toà.

Tại bản tự khai ngày 30/12/2025 cháu Lê Thị Hoài G có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Chị Lê Thị T và anh Lê Viết C kết hôn với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc tại thôn G, xã Đ, huyện Đ (nay là thôn B, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa). Quá trình chung sống anh chị cũng có mâu thuẫn. Chị T đi nước ngoài nhiều năm, anh C ở cùng với bố đẻ tại địa phương. Việc ly hôn của anh chị đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: chị T, anh C có 01 con chung tên là Lê Thị Hoài G, sinh năm 2011. Hiện nay cháu G đang ở với mẹ, việc giao con cho ai nuôi đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản: địa phương không biết anh chị có tài sản chung gì.

Tại phiên Tòa, anh Lê Viết C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật; tuy nhiên anh C cố tình vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn chị Lê Thị T đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Viết C đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần; tuy nhiên anh C vắng mặt không có lý do là không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Thị Hoài G, sinh ngày 17/4/2011. Anh chị thống nhất giao cháu G cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.Chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; do đó anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi

con chung với chị T; Về tài sản và công nợ: anh C, chị T thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị Lê Thị T và anh Lê Viết C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Đ, tỉnh Thanh Hóa. Chị T xin ly hôn anh C tại Tòa án. Đây là quan hệ về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật; tuy nhiên chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị T và anh Lê Viết C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là phường Đ, tỉnh Thanh Hóa) ngày 06/01/2010 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T là do anh C không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè. Chị khuyên bảo nhiều lần anh C không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại dàn xếp nhiều lần nhưng vẫn không mang lại kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Xét thấy, tình cảm giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác anh chị đã không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị T.

[3]*Về con chung*: Anh chị có 01 con chung tên là Lê Thị Hoài G, sinh ngày 17/4/2011. Quá trình giải quyết vụ án anh C, chị T thống nhất giao cháu G cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị T.

Xét thấy, việc thoả thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81; 82 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[4]*Về tài sản và công nợ*: Chị T, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS.

Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thuận

Xử:

1.*Về hôn nhân*: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Viết C.

2.*Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Thị Hoài G, sinh ngày 17/4/2011. Giao cháu G cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị T.

Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở

3.*Về tài sản và công nợ*: Chị T, anh C không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

4.*Về án phí*: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004287 ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Lê Thị T, anh Lê Viết C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
-VKSND khu vực 1 – Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Ho ;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- UBND P.Đ,
tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu Hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Lý